|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/QĐ-UBND |  *Gia Lai, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số ……./TTr-SKHĐT ngày ……………...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ngày….

**Điều 3.** Bãi bỏ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh tỉnh Gia Lai ban hành quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, thể thao và Du lịch, Xây dựng; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ủy Ban Dân tộc;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh uỷ, Thường trực HĐND tỉnh; - Thường trực Uỷ ban MTTQVN tỉnh;- Chủ tịch, các PCT tỉnh;- Các phó Văn phòng UBND tỉnh; - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT, KTTH, KGVX, NL.  | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |   |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH GIA LAI**–––––––––––– | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**–––––––––––––––––––––– |

**QUY ĐỊNH**

**Về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu**

**quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**(*Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về lập và giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm; phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) trực tiếp quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến các hoạt động quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phân định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện các chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp, đề cao tinh thần trách nhiệm của cấp cơ sở.

3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan trong quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Phân công quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổng hợp các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

b) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

c) Ban Dân tộc là cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh là các cơ quan cấp tỉnh được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tương ứng với bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì quản lý một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

**­­­­­­­**

**Chương II**

**LẬP VÀ GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 5 NĂM VÀ HẰNG NĂM**

**Điều 5.** Lập và giao kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm

1. Lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm

a) Việc lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 5 năm được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm.

b) Căn cứ lập kế hoạch và nội dung lập kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm

a) Cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm do cơ quan mình quản lý đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn; dự kiến phân bổ kế hoạch các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, xem xét khả năng lồng ghép giữa các chương trình, dự án và các nguồn vốn khác (nếu có) đảm bảo đúng quy định và các giải pháp thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (đối với vốn sự nghiệp) tổng hợp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì (đối với vốn đầu tư phát triển) và Sở Tài chính chủ trì (đối với vốn sự nghiệp), phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp cân đối, dự kiến phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của mỗi chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp); mục tiêu, chỉ tiêu từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

**Điều 6.** Lập và giao kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

1. Lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

a) Việc lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh hằng năm được lập cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm.

b) Căn cứ lập kế hoạch: Căn cứ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn (giai đoạn 2021-2025) và kế hoạch triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung lập kế hoạch, trình tự lập kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

a) Cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm lập kế hoạch, đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia do mình quản lý (tổng mức và cơ cấu vốn) và danh mục dự án thành phần gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo các quy định, hướng dẫn của trung ương, của Bộ Tài chính.

d) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp); mục tiêu, chỉ tiêu từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

Điều 7. Lập và giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp huyện, cấp xã

1. Căn cứ lập kế hoạch và nội dung lập kế hoạch thực hiện theo khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã giao cơ quan chuyên môn lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

 3. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ và giao kế hoạch vốn giai đoạn 5 năm và hằng năm (bao gồm: tổng vốn, cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước theo từng chương trình và chi tiết đến nội dung, dự án thành phần và danh mục dự án đầu tư ưu tiên) cho các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã để triển khai thực hiện.

Điều 8. Lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng

Nội dung kế hoạch và trình tự lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 8 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

­­­­­­­­**Chương III**

**PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC**

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Điều 9. Phân cấp quản lý dự án đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Phân loại dự án

a) Dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng (sau đây
gọi là cơ chế đặc thù): Là dự án đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Dự án không áp dụng cơ chế đặc thù: Là dự án thông thường không áp dụng theo quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Cơ chế thực hiện

a) Đối với dự án áp dụng cơ chế đặc thù

- Chủ đầu tư là Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn do UBND xã quyết định. Trường hợp UBND cấp xã không đủ năng lực, UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên muôn trực thuộc làm chủ đầu tư.

- Quy trình triển khai thực hiện theo quy định tại Chương IV, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Đối với dự án không áp dụng cơ chế đặc thù

- Các dự án do cấp tỉnh quản lý: Chủ đầu tư là các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển các chương trình mục tiêu quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án do cấp huyện quản lý: Chủ đầu tư do UBND cấp huyện quyết định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác có liên quan.

3. Các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 6 điều 18 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Thẩm quyền quyết định đầu tư

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng nguồn vốn ngân sách nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn do cấp huyện quản lý.

c) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù và các dự án sử dụng nguồn vốn do cấp xã quản lý.

5. Lập, thẩm định, lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với các dự án áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Đối với các dự án không áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định có liên quan.

6. Thanh, quyết toán công trình hoàn thành: Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán dự án đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 10. Tổ chức quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia**

Việc tổ chức quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

**Điều 11. Công khai thông về chương trình mục tiêu quốc gia**

Cơ quan chủ chương trình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện công khai thông về chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

**Điều 12. Giám sát, đánh gia chương trình mục tiêu quốc gia**

 1.Giám sát chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Giám sát cộng đồng đối với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Chương V

 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 13. Thực hiện chế độ báo cáo**

1. Cơ quan chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần; UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện các công trình, dự án (bao gồm các nội dung: tổng mức đầu tư, vốn bố trí năm kế hoạch, luỹ kế vốn đã bố trí, tiến độ thi công khối lượng, giải ngân vốn; những thuận lợi, khó khăn, giải pháp và kiến nghị đề xuất) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia được giao kế hoạch trong năm về các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (chậm nhất ngày 01/6 và 01/12 hằng năm).

2. Các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo điểm b khoản 3 Điều 11 Quyết định số 01/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 05/04/2022 của Trưởng ban Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình giải ngân vốn các chương trình, dự án được giao kế hoạch trong năm của các chương trình mục tiêu quốc gia về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan trung ương theo quy định.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chủ các chương trình mục tiêu quốc gia; các tổ chức cá nhân có liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã có trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp./.